

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/HSPT

Ngày: 23-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước.

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh

Ông Đinh Chí Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Văn Trãi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 253/2018/HS-PT ngày 18 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo C.

Do có kháng cáo của bị hại P đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2018/HS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

Họ tên bị cáo:

C, sinh năm 1988 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn Giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: H (chết) và con bà: S, sinh năm: 1951; Vợ: T, sinh năm: 1991, có một người con sinh năm 2015; Tiền sự: không; Tiền án: có 01 tiền án ngày 13/11/2007 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Bắt giữ, hoặc giam người trái pháp

luật” chưa chấp hành xong phần án phí; bị bắt tạm giam ngày 07/8/2018 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

Người bị hại có kháng cáo: P, sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh P: Luật sư P1, Công ty TNHH MTV X thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người làm chứng:

1. Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1980 (có mặt);
2. Nguyễn Văn B, sinh năm 1957 (có mặt);
3. Nguyễn Thị C1, sinh năm 1957 (có mặt);
4. Lê Thanh T, sinh năm 1993 (vắng mặt);
5. Nguyễn Trọng M, sinh năm 1978 (vắng mặt);
6. Nguyễn Văn P2, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Trần Thị Cẩm G, sinh năm 1988 (có mặt, do anh P yêu cầu làm chứng tại phiên tòa).

Cư trú: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng sau đó đã rút toàn bộ kháng cáo và Viện Kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn P2 là anh rể của C làm nghề kinh doanh cây nước cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân khu vực ấp 2, xã H, huyện T. Khoảng 10 giờ ngày 28/02/2018 P2 đi thu tiền nước thì gặp Nguyễn Văn B ngồi uống nước tại quán của chị Chung Thị T địa chỉ Ấp 2, xã H, ông B hỏi anh P2 tại sao thu tiền nước của ông trong khi đường ống dẫn nước do ông tự kéo, anh P2 trả lời ông chỉ kéo một đoạn từ

đường ống chính của anh vào nhà nên phải trả tiền sử dụng nước, lời qua tiếng lại nên hai bên mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau làm cho anh P2 bị chảy máu mũi thì được mọi người can ngăn, anh P2 tiếp tục đi đến quán nước Nguyễn Văn C2 cách đó khoảng 500m để thu tiền nước, còn ông B đi về nhà nói cho con mình là P biết việc đánh nhau với anh P2, nghe cha mình nói vậy P cùng với Nguyễn Thanh N, N1 và K đi đến quán anh C2 xông vào đánh anh P2 nhiều cái làm cho anh P2 bị thương tích sây sát ngoài da, đánh xong P, N1, K về nhà. Về phía anh P2 điện thoại cho vợ tên Nguyễn Thị H biết việc bị anh em P đánh và kêu chị H đến nhà anh C2 chở anh đi bệnh viện, nghe điện thoại của chồng xong chị H điện thoại cho C biết anh P2 bị người ta đánh đang nằm nhà C2, lúc này C đang uống nước cùng với Nguyễn Trọng N2 và L ở quán Nguyễn Trọng M cùng áp, sau khi nghe điện thoại của chị H thì C một mình điều khiển xe mô tô đến nhà C2, lúc này N2 cũng điều khiển xe mô tô chở L chạy theo sau.

Khi đến nhà C2 thấy anh P2 nằm trên võng than mệt do bị đánh nên C tức giận điều khiển xe mô tô đến nhà của anh P để tìm đánh trả thù, N2 và L cũng chạy xe theo C. Khi đến nơi C dựng xe ngoài đường rồi đi vào thấy P đang đứng trước nhà, C hỏi “thằng nào là thằng P” P trả lời “Tao nè” đồng thời bỏ chạy theo hướng cặp hong nhà, thấy vậy C lấy ly thủy tinh loại có quay cầm, tô sành và chai nước ngọt ném theo nhưng không trúng, P chạy vào nhà sau lấy cây cưa máy chạy ra đánh trả, tiếp tục C dùng nhiều ly, tô và chai nước ngọt ném vào người P cho đến khi thấy trên vùng mặt P chảy nhiều máu C mới dừng không ném nữa rồi ra về.

Tại bản giám định pháp y về thương tích số 124 ngày 05/4/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận: Thương tích P: Sẹo vết thương phần mềm ngực phải sẹo lành; Gãy xoang hàm trên bên phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 09%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2018/HS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo C 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/8/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, các bị cáo C có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 19 tháng 12 năm 2018 bị cáo có đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, người bị hại P có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu khởi tố hình sự đối với T1, Hữu P3, N2, L1, S, P2, L2, H1 và nhóm Long Búa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu: Bản án hình sự sơ thẩm xử bị cáo C về tội cố ý gây thương tích là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật; về bỏ lọt tội phạm, cơ quan cảnh sát điều tra chưa chứng minh được những người theo anh P khai có tham gia gây thương tích cho anh; đối với N2 và L khi nào làm việc được sẽ xử lý sau; các nội dung khác của bản án hình sự sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh P, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2018/HS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại P, luật sư P1 trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ có bao nhiêu người gây thương tích cho anh P; xác định ông Nguyễn Văn B là người làm chứng trong vụ án là không đúng mà phải đưa ông B với tư cách là người bị hại mới đúng; vụ án có dấu hiệu băng nhóm; có dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ như xác định số lượng ly, tô, võ chai nước ngọt, mã tấu, súng...; bị cáo và những người tham gia gây thương tích cho anh P có dấu hiệu của hành vi giết người nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2018/HS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T để khởi tố tội giết người và tội sử dụng vũ khí quân dụng trái phép.

Người bị hại anh P trình bày: Đồng ý với lời trình bày của luật sư, không tranh luận bổ sung.

Bị cáo C phát biểu tranh luận: Bị cáo không có rủ rê, lôi kéo, không biết băng nhóm Long Búa là gì, không có mang theo súng, mã tấu; thừa nhận thương tích của anh P là do bị cáo dùng ly, tô, vỡ chai nước ngọt ném gây thương tích và đồng ý lời phát biểu của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo C đã có đơn rút toàn bộ kháng cáo. Do đó, căn cứ vào khoản 1, Điều 348 của Bộ Luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị hại anh P, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T xét xử bị cáo C về tội cố ý gây thương tích là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật. Trong quá trình tiến hành tố tụng các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, việc anh P kháng cáo yêu cầu hủy bản án hình sự sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

- Xét yêu cầu của anh P yêu cầu khởi tố hình sự đối với T1, Hữu P3, N2, L, S, P2, L2, H1 và nhóm Long Búa, Hội đồng xét xử xét thấy. Trong quá trình điều tra chưa có căn cứ xác định những đối tượng trên có tham gia gây thương tích cho anh P hay không nên chưa đủ căn cứ để khởi tố hình sự đối với các đối tượng trên.

- Xét yêu cầu của anh P đối với tiền thu nhập bị mất 14.000.000đ/ngày x 8 ngày = 112.000.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần. Tổng cộng 162.000.000 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm anh P không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh yêu cầu của anh là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo C bồi thường cho anh P 8.000.000 đồng tiền thu nhập thực tế bị mất và 13.900.000 đồng; tổng cộng 21.900.000 đồng là phù hợp, có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu này của anh P.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh P là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Xét bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2018/HS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ để xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật nên giữ nguyên bản án.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho P là không có căn cứ nên không chấp nhận

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh P không được chấp nhận nên anh P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Áp dụng khoản 1, Điều 348 của Bộ Luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C đã có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo.

2. Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T của người bị hại anh P.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

3. Tuyên bố: Bị cáo C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo C 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/8/2018.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357, Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo C bồi thường cho người bị hại P, tiền thu nhập thực tế bị mất là 8.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần là 13.900.000 đồng. Tổng cộng là 21.900.000 đồng (hai mươi một triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

5. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 0,1 kg mảnh vỡ ly và chai nước ngọt; 1,1 kg mảnh vỡ chén, tô; 01 dây thắt lưng màu nâu, kích thước 1,3m x 3,5cm, dạng dây xoắn, mặt dây ký hiệu CK (đã qua sử dụng); 01 khúc gỗ vuông (cây cán giữa cây cưa) kích thước 53cm x 03cm x 25cm, cân nặng 0,31kg (đã qua sử dụng); 01 khúc gỗ (cán búa) kích thước 40cm x 2,5cm x 05cm, cân nặng 0,3kg (đã qua sử dụng), do không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại cho anh P: 01 cây cưa hình chữ nhật, có 02 tay cầm bằng gỗ đối xứng (01 đầu tay cầm bị bể), có 01 lưỡi cưa bằng sắt, thanh ngang bằng sắt bắt ốc vít, kích thước 60cm x 27cm, cân nặng 0,6kg (đã qua sử dụng).

(Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 11/10/2018).

6. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.095.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về án phí phúc thẩm: Anh P phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

8. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện T;
- Chi cục thi hành án huyện T;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Trải).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Hồng Nước